ベトナム語 日本原作絵本

【重要：ご注文にあたって】

・為替変動の影響により、予告なく価格が変更されることがございますのでご了承ください。

・ご注文のタイミングにより日本国内に在庫がない場合がございます。お取り寄せ納期は約1カ月半～2か月程度となります。

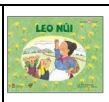
・税別20,000円以上のご注文で送料がサービスになります。それ以下の場合は宅急便送料がかかります。

・商品は新品ですが、各国から取り寄せたもののため、日本国内の新刊書籍よりも「折れ」「刷れ」「色剥げ」などの状態が多く見られる場合があります。
国内書籍のように完全に美品ではない場合があることをご了承のうえ、ご注文ください。

No	言語	書影	タイトル	和訳タイトル	作者	出版社	頁	本体価格	税込価格
1	ベトナム語 （日本原作）		Ai ở sau lưng bạn thế - những người bạn ở hòn đảo phía Nam Nhật Bản	うしろにいるのだあれ みなみのしまのなかまたち	ふくだとしお	NXB Phụ Nữ	32	¥1,950	¥2,145
2	ベトナム語 （日本原作）		Ai ở sau lưng bạn thế (Truyện Ehon Nhật Bản)	うしろにいるのだあれ	ふくだとしお	NXB Phụ Nữ	32	¥1,950	¥2,145
3	ベトナム語 （日本原作）		Ai ở sau lưng bạn thế- những người bạn bên bờ hồ	うしろにいるのだあれ みずべのなかまたち	ふくだとしお	NXB Phụ Nữ	32	¥1,950	¥2,145
4	ベトナム語 （日本原作）		Ai ở sau lưng bạn thế- những người bạn dưới đáy biển	うしろにいるのだあれ うみのなかまたち	ふくだとしお	NXB Phụ Nữ	32	¥1,950	¥2,145
5	ベトナム語 （日本原作）		Ai ở sau lưng bạn thế- những người bạn trên cánh đ ồng	うしろにいるのだあれ のはらのともだち	ふくだとしお	NXB Phụ Nữ	32	¥1,950	¥2,145
6	ベトナム語 （日本原作）		Ai ở sau lưng bạn thế- những người bạn trên hoang mạc	うしろにいるのだあれ サバンナのなかまたち	ふくだとしお	NXB Phụ Nữ	32	¥1,950	¥2,145
7	ベトナム語 （日本原作）		Asae và em gái b é nhỏ (Ehon Nhật Bản)	あさえとちいさいいもうと	筒井頼子 林明子	NXB Phụ Nữ	32	¥2,400	¥2,640
8	ベトナム語 （日本原作）		Bàn tay kỳ diệu của Sachi (Ehon)	さっちゃんのまほうのて	たばたせいいち のべあきこ しおざわさよこ	NXB Phụ Nữ	40	¥2,550	¥2,805
9	ベトナム語 （日本原作）		Bé Trứng	たまごのあかちゃん	かんざわ としこ やぎゅう げんいちろう	NXB Phụ Nữ	24	¥2,250	¥2,475
10	ベトナム語 （日本原作）		Bull chơi trốn tìm	ブルくんかくれんぼ	ふくざわゆみこ	NXB Phụ Nữ	24	¥2,100	¥2,310
11	ベトナム語 （日本原作）		Cá vàng trốn ở đ âu rồi nhỉ ?	きんぎょがにげた	五味太郎	NXB Phụ Nữ	24	¥2,250	¥2,475
12	ベトナム語 （日本原作）		Tay xinh đâu nhỉ (bộ truyện Ehon)	おててがでたよ	林明子	NXB Phụ Nữ	20	¥2,250	¥2,475
13	ベトナム語 （日本原作）		Chiến công đầu ti ên của bé Mi (Bộ truyện Ehon)	はじめてのおつかい林	林明子	NXB Phụ Nữ	32	¥2,250	¥2,475
14	ベトナム語 （日本原作）		Cùng lau cho sạch nào (bộ truyện Ehon)	きゅっきゅっきゅ	林明子	NXB Phụ Nữ	20	¥2,250	¥2,475
15	ベトナム語 （日本原作）		Đi tắm thật thí ch_Cùng chơi với bé (2015	シャンプーだいすき	木村裕一	NXB Phụ Nữ	16 （しかけ別）	¥2,550	¥2,805
16	ベトナム語 （日本原作）		Giày nhỏ đi thôi (bộ truyện Ehon)	くつくつあるけ	林明子	NXB Phụ Nữ	20	¥2,250	¥2,475
17	ベトナム語 （日本原作）		Xe buýt Bento	おべんとうバス	真珠まりこ	Công ty TNHH More Production	22	¥2,700	¥2,970

18	ベトナム語（日本原作）		Món quà từ cửa sổ (Ehon Nhật Bản)	まどからのおくりもの	鈴木永子	NXB Phụ Nữ	28	¥2,250	¥2,475
19	ベトナム語（日本原作）		Trường mẫu giáo của chú voi Grumpa	ぐるんぱのようちえん	西内ミナミ 堀内誠一	NXB Phụ Nữ	28	¥2,250	¥2,475
20	ベトナム語（日本原作）		Ú òa! Ú òa!_Cù ng chơi với bé (2015)	いないいないばああそび	木村裕一	Nhà xuất bản Kim Đồng	16（しかけ別）	¥2,550	¥2,805
21	ベトナム語（日本原作）		Chào mặt tră ng(bộ truyện Ehon)	おつきさまこんばんは	林明子	NXB Phụ Nữ	20	¥2,250	¥2,475
22	ベトナム語（日本原作）		Mako và chuyến phiêu lưu trong bồn tắm	おふろだいすき	松岡享子 林明子	NXB Phụ Nữ	44	¥2,400	¥2,640
23	ベトナム語（日本・ベトナム共同）		Những Người Bạn	トモダチ	あいはらひろゆき DOMDOM	Nhà xuất bản Kim Đồng	38	¥3,300	¥3,630
24	ベトナム語（日本原作）		Bạn voi đi dạo (Tranh truyện trẻ em)	ぞうくんのさんぽ	なかのひろたか	Công ty TNHH More Production	28	¥2,400	¥2,640
25	ベトナム語（日本原作）		Những Người Bạn Trên Cơ Thể	からだのみなさん	五味太郎	Công ty TNHH More Production	28	¥2,400	¥2,640
26	ベトナム語（日本原作）		Hạt da trời	そらいろのたね	おおむらゆりこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
27	ベトナム語（日本原作）		Hạt Dưa Hấu	すいかのたね	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
28	ベトナム語（日本原作）		Kerolympic	ケロリンピック	古川裕子	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
29	ベトナム語（日本原作）		Đi Thẳng Đi Thẳng	まっすぐまっすぐ	堀川真	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
30	ベトナム語（日本原作）		Bạn Chim Cút Chơi Trốn Tìm	うずらちゃんのかくれんぼ	きもとももこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
31	ベトナム語（日本原作）		Trứng Vịt	あひるのたまご	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥3,000	¥3,300
32	ベトナム語（日本原作）		Bạn Chim Cút Tì m Quà Tặng Mẹ	うずらちゃんのたからもの	きもとももこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
33	ベトナム語（日本原作）		Châu Chấu Đi Dạo	ばったくん	五味太郎	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
34	ベトナム語（日本原作）		Giống Nhau Nhỉ!?	にているね	五味太郎	Công ty TNHH More Production	28	¥2,400	¥2,640
35	ベトナム語（日本原作）		Gà Con Chạy Trốn	ひよこはにげます	五味太郎	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
36	ベトナム語（日本原作）		Nếu Là Cậu Thì L àm Thế Nào?	こんなときみならどうする	五味太郎	Công ty TNHH More Production	28	¥2,400	¥2,640
37	ベトナム語（日本原作）		Chuyện của Cún Pi	ピーのおはなし	きもとももこ	Công ty TNHH More Production	36	¥2,400	¥2,640

38	ベトナム語 （日本原作）		Bạn Tàu Điện Ngầm Gin-chan	ちかてつのぎんちゃん	鎌田歩	Công ty TNHH More Production	36	¥2,400	¥2,640
39	ベトナム語 （日本原作）		Mưa Rơi	あめふり	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
40	ベトナム語 （日本原作）		Tớ Và Tớ	わたしとわたし	五味太郎	Công ty TNHH More Production	28	¥2,400	¥2,640
41	ベトナム語 （日本原作）		Bà Phí Quá	もったいないばあさん	真珠まりこ	Công ty TNHH More Production	36	¥2,400	¥2,640
42	ベトナム語 （日本原作）		Mọi Người Đã Dạy Tớ	みんながおしえてくれました	五味太郎	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
43	ベトナム語 （日本原作） 日本語 併記		Bắc Cầu Kỷ niệm Đọc sách thời thơ ấu Hoàng hậu Nhật Bản	橋をかける: 子供時代の読書の思い出	美智子	Nhà xuất bản Thê´ gio´i	85	¥4,500	¥4,950
44	ベトナム語 （日本原作）		Đóa hoa đồng thoại lần thứ 48	第48回童話の花束 第48回『ＪＸＴＧ童話賞』コンテスト受賞作品集	著者多数	Nhà xuất bản Kim Đồng	64	¥2,400	¥2,640
45	ベトナム語 （日本原作）		Dọn bùn	どろんこおそうじ	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
46	ベトナム語 （日本原作）		Rukkio và Furifuri Quả dưa hấu khổng lồ	ルッキオとフリフリ おおきなスイカ	庄野ナホコ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
47	ベトナム語 （日本原作）		Đi Đến Tận Đâu?	どこまでゆくの？	五味太郎	Công ty TNHH More Production	28	¥2,400	¥2,640
48	ベトナム語 （日本原作）		Cái Bàn Là Cái B àn	つくえはつくえ	五味太郎	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
49	ベトナム語 （日本原作）		Vất vả ngủ trưa	たいへんなひるね	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
50	ベトナム語 （日本原作）		Kéo, kéo	ひっぱれば	長野ヒデ子	Công ty TNHH More Production	20	¥2,400	¥2,640
51	ベトナム語 （日本原作）		Cô Cá Taiko Muốn Đi Bách H óa	せとうちたいこさん デパートいきタイ	長野ヒデ子	Công ty TNHH More Production	40	¥2,400	¥2,640
52	ベトナム語 （日本原作）		Nhà Của Chim	ことりのうち	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
53	ベトナム語 （日本原作）		BàiT hể Dục Bắt Chước Của Gấu Trú c	パンダなりきりたいそう	いりやまさとし	Công ty TNHH More Production	40	¥2,400	¥2,640
54	ベトナム語 （日本原作）		Bác Lái Xe Buýt Voi	バスのうんてんしゅのエレフさん	中川ひろたか 市原 淳	Công ty TNHH More Production	36	¥2,400	¥2,640
55	ベトナム語 （日本原作）		Bí Ngô Không Ngủ Được	ねられんねられんかぼちゃのこ	やぎゅうげんいちろう	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
56	ベトナム語 （日本原作）		Mẹ Giặt Đồ	せんたくかあちゃん	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	30	¥2,400	¥2,640
57	ベトナム語 （日本原作）		Đào khoai, đào khoai	いもいもほりほり	西村敏雄	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640

58	ベトナム語 （日本原作）		Leo núi	やまのぼり	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
59	ベトナム語 （日本原作）		Bác sĩ An-tôn	アントンせんせい	西村敏雄	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
60	ベトナム語 （日本原作）		Rukkio và Furifufuri Giáng sinh đầu tiên	ルッキオとフリフリ はじめてのクリスマス	庄野ナホコ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
61	ベトナム語 （日本原作）		Xe trượt tuyết	そりあそび	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
62	ベトナム語 （日本原作）		Một Ngày Của Gia Đình Ma	おばけかぞくのいちにち	西平あかね	Công ty TNHH More Production	32	¥2,850	¥3,135
63	ベトナム語 （日本原作）		Nỗi buồn Ốc Sên	でんでんむしのかなしみ	鈴木靖将	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
64	ベトナム語 （日本原作）		Bé Sô-Cô-La Đi Biển	ショコラちゃんうみにいく	はたこうしろう	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
65	ベトナム語 （日本原作）		Gư-ri và Gư-ra	ぐりとぐら	中川 李枝子 大村 百合子	Công ty TNHH More Production	28	¥2,700	¥2,970
66	ベトナム語 （日本原作）		Gư-ri, Gư-ra và bạn Kururi-Kura	ぐりとぐらとくるりくら	中川 李枝子 大村 百合子	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
67	ベトナム語 （日本原作）		Gư-ri và Gư-ra đi dã ngoại	ぐりとぐらのえんそく	中川 李枝子 大村 百合子	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
68	ベトナム語 （日本原作）		Gư-ri và Gư-ra đi tắm biển	ぐりとぐらのかいすいよく	中川 李枝子 大村 百合子	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
69	ベトナム語 （日本原作）		Gư-ri, Gư-ra và bạn Sư-mi-rê	ぐりとぐらとすみれちゃん	中川 李枝子 大村 百合子	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
70	ベトナム語 （日本原作）		Ai Thân Thiết Với Ai?	なかよしだあれ	みやまつともみ	Công ty TNHH More Production	20	¥2,700	¥2,970
71	ベトナム語 （日本原作）		Trước tiên xin lỗi nhé	とりあえず ごめんなさい	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	24	¥2,700	¥2,970
72	ベトナム語 （日本原作）		Mùa xuân của bê con	仔牛の春	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
73	ベトナム語 （日本原作）		Sự cố chuối	バナナじけん	高畠 邦生	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
74	ベトナム語 （日本原作）		Aka - Kun dạo phố	あかくんまちをはしる	あんどう としひこ	Công ty TNHH More Production	24	¥2,700	¥2,970
75	ベトナム語 （日本原作）		Bác Sĩ An-tôn: Em bé đây	アントンせんせい あかちゃんです	西村敏雄	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
76	ベトナム語 （日本原作）		Bà Phí Quá Đi Theo	もったいないばあさん かわをゆく	真珠まりこ	Công ty TNHH More Production	36	¥2,700	¥2,970
77	ベトナム語 （日本原作）		Bà Phí Quá – Hãy ăn với lòng biết ơn	もったいないばあさんの いただきます	真珠まりこ	Công ty TNHH More Production	34	¥2,700	¥2,970

78	ベトナム語 （日本原作）		Bên kia biển	うみのむこうは	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	28	¥2,700	¥2,970
79	ベトナム語 （日本原作）		Đi đi lại lại trên phố lớn	行ったり来たり大通り	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	24	¥2,700	¥2,970
80	ベトナム語 （日本原作）		Machan tóc dài	まあちゃんのながいかみ	たかどの ほうこ	Công ty TNHH More Production	28	¥2,700	¥2,970
81	ベトナム語 （日本原作）		Xe buýt Bento	おべんとうバス	真珠まりこ	Công ty TNHH More Production	22	¥2,700	¥2,970
83	ベトナム語 （日本原作）		Tàu điện có đến không nhỉ?	でんしゃ くるかな？	きくち ちき	Công ty TNHH More Production	20	¥2,700	¥2,970
84	ベトナム語 （日本原作）		Cô Cá Setouchi Taiko Muốn Leo Núi Phú Sĩ	せとうちたいこさん ふじさんのぼりタイ	長野 ヒデ子	Công ty TNHH More Production	36	¥2,700	¥2,970
85	ベトナム語 （日本原作）		Hái Dâu	のいちごつみ	さとうわきこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
86	ベトナム語 （日本原作）		Thiên đường	てんごく	新見南吉 長野 ヒデ子	Công ty TNHH More Production	24	¥2,700	¥2,970
87	ベトナム語 （日本原作）		Bánh Xăng-Uých	サンドイッチ サンドイッチ	小西 英子	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
88	ベトナム語 （日本原作）		Chúng Tớ Ăn Mất Trăng Rồi!	いただきますのおつきさま	鈴木 真実	Công ty TNHH More Production	36	¥2,700	¥2,970
89	ベトナム語 （日本原作）		Tiệm Bánh Động Vật	どうぶつパンやさん	さとう めぐみ	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
90	ベトナム語 （日本原作）		Bồn Tắm Của Rừng	もりのおふろ	西村 敏雄	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
91	ベトナム語 （日本原作）		Đêm Tất Bật	いそがしいよる	さとう わきこ	Công ty TNHH More Production	28	¥2,700	¥2,970
92	ベトナム語 （日本原作）		Bút Màu Xoay Tr òn	くれよんぐるぐる	まつなが あき	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
93	ベトナム語 （日本原作）		Thêm Chút Nữa, Thêm Chút Nữa	もうちょっと もうちょっと	きむら ゆういち 高畠 純	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
94	ベトナム語 （日本原作）		Dâu Nhỏ ơi! Cậu ở Đâu Thế?	どこへいったの？ いちごちゃん	のし さやか	Công ty TNHH More Production	30	¥2,700	¥2,970
95	ベトナム語 （日本原作）		Bài Thể Dục Đếm Số Của Gấu Trúc	パンダ かぞえたいそう	いりやま さとし	Công ty TNHH More Production	40	¥2,400	¥2,640
96	ベトナム語 （日本原作）		Bạn Đường Hầm Neru - Xe Gì Thế Nhỉ?	トンネルねるくん くるまなにかな？	やまもと しょうぞう いちはら しゅん	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
97	ベトナム語 （日本原作）		Taxi Ốc sên	かたつむりタクシー	たむら しげる	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
98	ベトナム語 （日本原作）		Bạn Mới Của Ếch	かえるくんとあたらしいおともだち	鈴木 真実	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640

99	ベトナム語 （日本原作）		Bạn Gorilla	ゴリラさんは	北村 裕花	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
100	ベトナム語 （日本原作）		Bạn Poko poko - Đi giao sữa	ポコポコミルク	さかい さちえ	Công ty TNHH More Production	26	¥2,400	¥2,640
101	ベトナム語 （日本原作）		Cáo	狐	新美 南吉 長野 ヒデ子	Công ty TNHH More Production	36	¥2,700	¥2,970
102	ベトナム語 （日本原作）		Con đường	みち	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
103	ベトナム語 （日本原作）		Chiếc bánh khổng lồ của Mayu	まゆとおおきなケーキ やまんばのむすめ　まゆのおはなし	富安陽子 降谷なな	Công ty TNHH More Production	32	¥2,550	¥2,805
104	ベトナム語 （日本原作）		Cuộc phiêu lưu của ông bà tí hon	ちいさなふたりの いえさがし	たかおゆうこ	Công ty TNHH More Production	34	¥2,550	¥2,805
105	ベトナム語 （日本原作）		Nóng quá, nóng quá	あつい あつい	垂石眞子	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
106	ベトナム語 （日本原作）		Lễ hội trên cánh đồng	木のまつり	新美 南吉 鈴木 靖将	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
107	ベトナム語 （日本原作）		Cảm ơn cậu vì đã luôn bên tớ	きみにありがとうのおくりもの	宮野 聡子	Công ty TNHH More Production	32	¥2,700	¥2,970
108	ベトナム語 （日本原作）		Những con số quanh ta	すうじの絵本	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	34	¥4,500	¥4,950
109	ベトナム語 （日本原作）		Bé Yuki là bà của tớ	ゆきちゃんは、ぼくのともだち！	武田 美穂	Công ty TNHH More Production	38	¥2,700	¥2,970
110	ベトナム語 （日本原作）		Tiệm sô-cô-la lừng danh	ぎょうれつのできる チョコレートやさん	ふくざわゆみこ	Công ty TNHH More Production	36	¥4,500	¥4,950
111	ベトナム語 （日本原作）		Thức dậy đi	めをさませ	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
112	ベトナム語 （日本原作）		Tiệm bánh ngọt lừng danh	ぎょうれつのできる ケーキやさん	ふくざわゆみこ	Công ty TNHH More Production	36	¥4,500	¥4,950
113	ベトナム語 （日本原作）		Nhà hàng lừng danh	ぎょうれつのできる レストラン	ふくざわゆみこ	Công ty TNHH More Production	36	¥4,500	¥4,950
114	ベトナム語 （日本原作）		E166_Tiệm mỳ lừng danh	ぎょうれつのできる スパゲッティやさん	ふくざわゆみこ	Công ty TNHH More Production	36	¥4,500	¥4,950
115	ベトナム語 （日本原作）		Chào buổi sáng	あさだ おはよう	三浦太郎	Công ty TNHH More Production	24	¥2,400	¥2,640
116	ベトナム語 （日本原作）		Bàn là ơi, cậu là m gì thế?	くもにアイロン	おおぎやなぎちか	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
117	ベトナム語 （日本原作）		Mở chợ trong rừng	もりにいちばができる	五味 太郎	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
118	ベトナム語 （日本原作）		Bác sĩ An-tôn: C ùng giúp nhau khi khó khăn nh é!	アントンせんせい こまったときはおたがいさま	西村敏雄	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640

119	ベトナム語（日本原作）		Nếu tháo khẩu trang thì sao nhỉ?	マスクをとったら	いりやま さとし	Công ty TNHH More Production	28	¥2,400	¥2,640
120	ベトナム語（日本原作）		Đi dạo trên lá và ng mùa thu	あきぞらさんぽ	えがしら みちこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
121	ベトナム語（日本原作）		Đi dạo dưới ánh nắng vàng rực rỡ	さんさんさんぽ	えがしら みちこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
122	ベトナム語（日本原作）		Đi dạo trong gió xuân	はるかぜさんぽ	えがしら みちこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
123	ベトナム語（日本原作）		Chim sẻ Cosette	すずめのコゼット	ふくしまから	Công ty TNHH More Production	32	¥2,550	¥2,805
124	ベトナム語（日本原作）		Đường hầm tàu đ iện ngầm đ ược x ây dựng như thế nào?	地下鉄のできるまで	加古 里子	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
125	ベトナム語（日本原作）		Sinh nhật của Dayan	ダヤンのたんじょうび	池田 あきこ	Công ty TNHH More Production	40	¥2,400	¥2,640
126	ベトナム語（日本原作）		Chuyện của Marcy	マーシィとおとうさん	池田 あきこ	Công ty TNHH More Production	40	¥2,400	¥2,640
127	ベトナム語（日本原作）		Giấc mơ ngon là nh của Dayan	ダヤンのおいしいゆめ	池田 あきこ	Công ty TNHH More Production	40	¥2,400	¥2,640
128	ベトナム語（日本原作）		Bữa tiệc ngày thứ Năm mưa	雨の木曜パーティ	池田 あきこ	Công ty TNHH More Production	40	¥2,400	¥2,640
129	ベトナム語（日本原作）		Bà Phí Quá - thiê n đường địa ngục	もったいないばあさんの てんごくとじごくのはなし	真珠まりこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
130	ベトナム語（日本原作）		Đi dạo dưới mưa	あめふりさんぽ	えがしら みちこ	Công ty TNHH More Production	32	¥2,400	¥2,640
131	ベトナム語（日本原作）		Đóa Hoa Đồng Thoại Vol.3	童話の花束 Vol.3	著者多数	Công ty TNHH More Production	72	¥2,700	¥2,970
132	ベトナム語（日本原作）		Tớ Là Cá Voi - Nhà Tớ ở Mỏm Cá Voi	わたしはクジラ岬にすむ クジラといいます	Megumi Iwasa	NXB Lao Động		¥2,700	¥2,970
133	ベトナム語（日本原作）		Tớ Là Hươu Cao Cổ - Nhà Tớ ở Châ u Phi	ぼくはアフリカにすむ キリンといいます	Megumi Iwasa	NXB Lao Động		¥2,700	¥2,970
134	ベトナム語（日本原作）		Tớ Là Rái Cá - Nhà Tớ ở Rừng Tảo Bẹ	おいらはコンブ林にすむ プカプカといいます	Megumi Iwasa	NXB Lao Động		¥2,700	¥2,970
135	ベトナム語（日本原作）		Tớ Là Hải Cẩu Lông Mao - Nhà Tớ ở Đảo Hải Cẩu	オットッ島のせいちゃん、げんきですか？	Megumi Iwasa	NXB Lao Động		¥2,700	¥2,970
136	ベトナム語（日本原作）		Chúng Mình Làm Bạn Nhé - Cầu Thang Sói	おおかみかいだんかけのぼれ	Mutsumi Matsuzawa	NXB Lao Động		¥2,700	¥2,970
137	ベトナム語（日本原作）		Chúng Mình Làm Bạn Nhé - Trường Học Cáo	おともださにナリマ小	Hoko Takadono	NXB Lao Động		¥2,700	¥2,970
138	ベトナム語（日本原作）		Chúng Mình Làm Bạn Nhé - Con Trai Của Gấu	こむぎのともだち	Michiko Yoshida	NXB Lao Động		¥2,700	¥2,970